

# **TÍNH HỢP LÝ CỦA VIỆC PHÂN BỐ THUẾ CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ THEO QUY ĐỊNH CỦA WTO - KINH NGHIỆM TỪ VỤ KIẾN US- OFFSET ACT**

## **RATIONALITY OF ANTI- DUMPING TAX ALLOCATION UNDER WTO - EXPERIENCE FROM US-OFFSET ACT**

**Duong Anh Son**, University of Economics and Law, Vietnam National University – HCM City

**Tran Vang-Phu**, Can Tho University

### ***Abstract***

Subsidies and dumping are regarded as unfair trade practices in international trade. As a result, the WTO permits importing countries to take reasonable measures such as collecting taxes on dumped and subsidized goods or requiring exporters to undertake a price to compensate for costs incurred when imports caused damage or threatened to cause injury to domestic goods. The United States Continued Dumping and Subsidy Offset Act of 2000 allowed to provide for the distribution of collected dumping or subsidy duties to harmed domestic producers by imported goods dumping. Numerous countries have expressed oppositions to this regulation, and the WTO has reached a final decision in this matter. This article analyzes the arguments advanced by the plaintiffs, the defendant, and the WTO's adjudicating body, and makes recommendations for the most effective use of tax revenue generated by this unfair trade practice.

**Keywords:** dumping duties, tax revenue, unfair trade, US-Offset Act

### **1. Đặt vấn đề**

Theo quy định của Hiệp định Chống bán phá giá của Tổ chức Thương mại thế giới (ADA), *một sản phẩm bị coi là bán phá giá (tức là được đưa vào lưu thông thương mại của một nước khác thấp hơn trị giá thông thường của sản phẩm đó) nếu như giá xuất khẩu của sản phẩm được xuất khẩu từ một nước này sang*

*một nước khác thấp hơn mức giá có thể so sánh được của sản phẩm tương tự được tiêu dùng tại nước xuất khẩu theo các điều kiện thương mại thông thường... ”<sup>1</sup>.*

Nói một cách khác, hàng hoá được xem là bán phá giá khi giá bán của loại hàng hoá đó tại thị trường quốc gia nhập khẩu, trong điều kiện thương mại bình thường, thấp hơn giá thông thường của hàng hoá đó (đã bao gồm giá xuất khẩu, chi phí vận chuyển... và một khoản lợi nhuận nhất định). Đây là một hành vi thương mại không công bằng có thể gây ảnh hưởng xấu đến thương mại quốc tế. Chính vì vậy, mục đích của thuế chống bán phá giá là để điều chỉnh những ảnh hưởng tiêu cực đến thương mại của việc bán phá giá và thiết lập lại thương mại công bằng. Việc sử dụng biện pháp chống bán phá giá như một công cụ cạnh tranh bình đẳng được WTO cho phép. Trên thực tế, chống bán phá giá là một công cụ để đảm bảo thương mại công bằng và không phải là một biện pháp bảo hộ cho ngành sản xuất trong nước. Nó giúp ngành công nghiệp trong nước giảm bớt thiệt hại do bán phá giá gây ra<sup>2</sup>.

Hiệp định chung về Thuế quan và Thương mại 1994 (GATT 1994)<sup>3</sup> quy định một số nguyên tắc cơ bản áp dụng trong thương mại giữa các quốc gia thành viên của WTO, bao gồm nguyên tắc “tối huệ quốc”. Điều VI của GATT 1994 cho phép việc áp dụng thuế chống bán phá giá cụ thể đối với hàng nhập khẩu từ một nguồn cụ thể, vượt quá mức ràng buộc, trong trường hợp việc bán phá giá gây ra hoặc đe dọa thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước, hoặc về mặt vật chất làm chậm sự thành lập của một ngành công nghiệp trong nước. Điều VI của Hiệp định GATT 1994 đưa ra các nguyên tắc căn bản về chống bán phá giá. Điều luật này cho phép các quốc gia phá vỡ những ràng buộc về thuế quan, và được vi phạm

---

<sup>1</sup> Điều 2.1 Hiệp định Chống bán phá giá.

<sup>2</sup> Ministry of Commerce and Industry of India (2021). *Anti-Dumping - Meaning and Concept*, <https://www.dgtr.gov.in/faq>, accessed June 7, 2021.

<sup>3</sup> Mặc dù trước đó đã có một văn kiện quốc tế về vấn đề này là Hiệp định về Thực hành Chống bán phá giá, có hiệu lực vào năm 1967 do kết quả của Vòng đàm phán Kennedy (Agreement on Anti-Dumping Practices). Tuy nhiên, do Hoa Kỳ không đồng ý ký nên Hiệp định này có rất ít ý nghĩa trên thực tế.

nghĩa vụ không phân biệt đối xử để đưa ra một mức thuế có định hướng nhằm đảo ngược lại những tác động có thể có của một sản phẩm bán phá giá.

Mặc dù thuế chống bán phá giá do Cơ quan Hải quan thu, nhưng loại thuế này hoàn toàn khác với thuế nhập khẩu không chỉ về khái niệm và nội dung, mà còn về mục đích và hoạt động. Sự khác biệt giữa hai loại "thuế" này có thể nhận thấy qua những điểm sau:

*Một là*, về mặt khái niệm, chống bán phá giá và các biện pháp tương tự về bản chất có liên quan đến khái niệm thương mại công bằng. Mục tiêu của các loại "thuế" này là để phòng ngừa các tình huống phát sinh từ các hành vi thương mại không công bằng trong khi thuế nhập khẩu được coi là một phương tiện để tăng thu ngân sách và cho sự phát triển chung của nền kinh tế. Nói một cách khác, mục tiêu của thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp là để bù đắp tác hại của việc phân biệt đối xử về giá quốc tế trong khi thuế nhập khẩu có tác động đối với nguồn thu của quốc gia và đối với sự phát triển chung của nền kinh tế (Legistify, 2018)<sup>4</sup>.

*Hai là*, thuế nhập khẩu thuộc lĩnh vực chính sách thương mại và tài chính của Chính phủ trong khi các biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp được áp dụng như các biện pháp khắc phục hậu quả thương mại. Thuế chống bán phá giá không nhất thiết phải có bản chất của một biện pháp thuế vì cơ quan có thẩm quyền được trao quyền để đình chỉ các loại thuế này trong trường hợp nhà xuất khẩu đưa ra một cam kết về giá. Vì vậy, các biện pháp như vậy không phải lúc nào cũng ở dạng thuế (AdvocateKhoj, 2021)<sup>5</sup>.

*Ba là*, thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp được áp dụng đối với nhà xuất khẩu của quốc gia bất kỳ vì chúng là quốc gia cụ thể và nhà xuất khẩu cụ thể, ngược lại, xuất phát từ nguyên tắc đối xử tối huệ quốc, thuế nhập khẩu áp

---

<sup>4</sup> Legistify (2018). *Difference Between Anti Dumping Duty And Normal Customs Duty*, <https://www.legistify.com/qna/answer/1092-difference-between-anti-dumping-duty-and-normal-customs-duty/>, accessed June 26, 2021.

<sup>5</sup> AdvocateKhoj (2021). *Anti-dumping and the customs duty*, <https://www.advocatekhoj.com/library/lawareas/antidumping/anti.php?Title=Laws%20of%20anti%20-%20dumping%20in%20India&STitle=Anti-dumping%20and%20the%20customs%20duty>, accessed June 26, 2021.

dùng chung và phổ biến cho tất cả hàng nhập khẩu không phân biệt quốc gia xuất xứ và nhà xuất khẩu (Dinlersoz and Dogan, 2008)<sup>6</sup>.

Do đó, có những khác biệt cơ bản về khái niệm và hoạt động giữa thuế nhập khẩu và thuế chống bán phá giá. Thuế chống bán phá giá được đánh cao hơn và cao hơn mức thuế hải quan thông thường đối với việc nhập khẩu hàng hóa được kết luận là đã bán phá giá. Tuy nhiên, có nhiều quan điểm khác nhau về việc quản lý và sử dụng thuế chống bán phá giá ra sao để có thể thực sự bù đắp cho những thiệt hại từ hành vi phá giá gây ra.

## **2. Quy định của WTO và Hoa Kỳ về việc sử dụng thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp**

### **2.1. Quy định của WTO về việc sử dụng thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp**

Liên quan đến quy định Byrd Amendment, Hiệp định AD và Hiệp định SCM có những quy định cụ thể sau để xem xét sự tương thích của pháp luật Hoa Kỳ với quy định của WTO.

*Một là quy định của Hiệp định AD (WTO, 2021a)<sup>7</sup>.*

*Thứ nhất*, quy định về tỷ lệ ủng hộ của nhà sản xuất trong nước đối với việc điều tra chống bán phá giá. Điều 5.4 Hiệp định AD quy định rằng: Một cuộc điều tra sẽ không được bắt đầu căn cứ theo Điều 5.1 trừ phi các cơ quan có thẩm quyền, trên cơ sở đánh giá mức độ ủng hộ hoặc phản đối với đơn yêu cầu của các nhà sản xuất sản phẩm tương tự trong nước, đã quyết định được rằng đơn đúng là được ngành sản xuất trong nước yêu cầu hoặc được yêu cầu thay mặt cho ngành sản xuất trong nước. Đơn yêu cầu sẽ được coi là được yêu cầu bởi ngành sản xuất trong nước hoặc đại diện cho ngành sản xuất trong nước nếu như đơn này được ủng hộ bởi các nhà sản xuất chiếm tối thiểu 50% tổng sản lượng của sản phẩm tương tự được làm bởi các nhà sản xuất đã bày tỏ ý kiến tán thành hoặc phản đối

---

<sup>6</sup> Emin M. Dinlersoz and Can Dogan (2008). Tariffs versus Anti-dumping Duties, [https://uh.edu/~cdogan/index\\_files/IO\\_Paper\\_Dogan.pdf](https://uh.edu/~cdogan/index_files/IO_Paper_Dogan.pdf), accessed on June 26, 2021.

<sup>7</sup> WTO (2021a). *Technical Information on anti-dumping*, [https://www.wto.org/english/tratop\\_e/adp\\_e/adp\\_info\\_e.htm](https://www.wto.org/english/tratop_e/adp_e/adp_info_e.htm), accessed on June 26, 2021.

đơn yêu cầu đó. Tuy nhiên, điều tra sẽ không được bắt đầu nếu như các nhà sản xuất bày tỏ ý tán thành điều tra chiếm ít hơn 25% tổng sản lượng của sản phẩm tương tự được ngành sản xuất trong nước làm ra.

*Thứ hai*, Điều 18.1 Hiệp định AD, yêu cầu các quốc gia thành viên không được thực hiện các biện pháp chống bán phá giá đối với hàng xuất khẩu của quốc gia thành viên khác trừ phi các biện pháp này tuân thủ theo các quy định của Hiệp định GATT 1994. Bên cạnh đó Điều 18.4 cũng quy định rằng các quốc gia thành viên sẽ thực hiện các bước cần thiết, chung hay theo các trường hợp cụ thể, để đảm bảo sự phù hợp của các pháp luật, quy định và các thủ tục hành chính của nước này theo các quy định trong Hiệp định khi áp dụng đối với các quốc gia thành viên khác, không muộn hơn thời điểm Hiệp định WTO có hiệu lực đối với quốc gia thành viên đó.

*Hai là, quy định của Hiệp định SCM (WTO, 2021b)<sup>8</sup>.*

*Thứ nhất*, áp dụng các biện pháp đối kháng. Điều 10 Hiệp định SCM quy định về việc áp dụng Điều VI Hiệp định GATT 1994 như sau: Các quốc gia thành viên sẽ thực hiện những biện pháp cần thiết để bảo đảm rằng việc đánh thuế đối kháng với bất kỳ sản phẩm nào của bất kỳ Thành viên nào nhập khẩu vào lãnh thổ của một Thành viên khác phù hợp với các quy định của Điều VI Hiệp định GATT 1994 và phù hợp với các quy định của Hiệp định SCM. Các loại thuế đối kháng chỉ được áp dụng căn cứ trên cơ sở điều tra đã được khởi tố và thực hiện phù hợp với các quy định của Hiệp định SCM và Hiệp định về nông nghiệp.

*Thứ hai*, quy định về điều kiện tỷ lệ ủng hộ của nhà sản xuất trong nước. Điều 11.4 Hiệp định SCM quy định việc điều tra theo quy định tại Điều 11.1 của Hiệp định SCM sẽ không được bắt đầu trừ khi cơ quan có thẩm quyền, trên cơ sở xem xét mức độ đồng tình hay phản đối của những nhà sản xuất trong nước những sản phẩm tương tự với yêu cầu đã xác định rằng đơn yêu cầu đã được nộp bởi hoặc nhân danh ngành sản xuất trong nước. Đơn yêu cầu được coi là được nộp

---

<sup>8</sup> WTO (2021b). *Subsidies and countervailing measures: Overview*, [https://www.wto.org/english/tratop\\_e/scm\\_e/subs\\_e.htm](https://www.wto.org/english/tratop_e/scm_e/subs_e.htm), accessed on June 26, 2021.

bởi hoặc nhân danh một ngành sản xuất trong nước nếu được những nhà sản xuất có chung khối lượng sản xuất chiếm trên 50% của tổng lượng sản xuất sản phẩm tương tự của những nhà sản xuất thể hiện sự ủng hộ hay phản đối đơn yêu cầu. Tuy nhiên, việc điều tra sẽ không được tiến hành nếu tỷ lệ các nhà sản xuất trong nước ủng hộ đơn đó không vượt quá 25% tổng khối lượng của ngành sản xuất sản phẩm tương tự trong nước.

*Thứ ba*, quy định về việc áp dụng các biện pháp cụ thể để chống lại hành vi trợ cấp. Điều 32.1 Hiệp định SCM quy định không hành động cụ thể nào được thực hiện chống lại việc trợ cấp của quốc gia thành viên khác, trừ khi được áp dụng theo các quy định của Hiệp định GATT 1994, được thể hiện ở Hiệp định SCM. Song song đó, Điều 32.5 của Hiệp định SCM cũng quy định mỗi quốc gia thành viên kể từ ngày không chậm hơn ngày Hiệp định WTO có hiệu lực sẽ có những bước đi cần thiết, mang tính chất chung hoặc riêng biệt để đảm bảo mọi luật, quy định và thủ tục hành chính của mình phù hợp với các quy định của Hiệp định SCM, khi được áp dụng cho các quốc gia thành viên khác.

Như vậy, Hiệp định AD và Hiệp định SCM vẫn cho phép các quốc gia thành viên được phép thực hiện một số biện pháp hợp lý để chống lại hành vi bán phá giá hoặc hành vi trợ cấp của hàng nhập khẩu, nhưng phải phù hợp với các quy định chung của hai Hiệp định này và các quy định có liên quan khác của WTO.

## **2.2. Quy định của Hoa Kỳ về việc sử dụng thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp**

Luật về đền bù các biện pháp trợ cấp và bán phá giá tiếp diễn năm 2000 (Continued Dumping and Subsidy Offset Act of 2000 - CDSOA) hay còn gọi là Byard Amendment, được thông qua vào ngày 28/10/2000 (bị bãi bỏ vào ngày 01/10/2007). CDSOA đã sửa đổi tiêu đề VII của Luật về thuế quan năm 1930 bằng cách bổ sung mục 754 (19 USC 1675c) để quy định các khoản thuế thu được theo lệnh thuế chống trợ cấp, lệnh thuế chống bán phá giá hoặc phát hiện theo Lệnh chống bán phá giá năm 1921 sẽ được phân phối cho các nhà sản xuất trong

nước (đã nộp đơn đề nghị điều tra) bị ảnh hưởng bởi việc bán phá giá của hàng hoá nhập khẩu (USFR, 2020)<sup>9</sup>. Mục 7601 (a) của Luật Giảm thâm hụt năm 2005 đã bãi bỏ quy định 19 U.S.C. 1675c (Byrd Amendment). Theo Điều 7701 Luật Giảm thâm hụt năm 2005, việc bãi bỏ quy định 19 U.S.C. 1675c có hiệu lực từ ngày 01/10/2005. Tuy nhiên, Điều 7601 (b) quy định rằng tất cả các khoản thuế thu được trước ngày 1/10/2007, sẽ được phân phối như quy định 19 USC 1675c (CRS, 2006)<sup>10</sup>.

Các quy định của CDSOA cho phép Cơ quan Hải quan và Bảo vệ Biên giới Hoa Kỳ (U.S Customs and Border Protection - CBP) khi thu thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp được giải ngân khoản thu này cho các nhà sản xuất trong nước bị thiệt hại do hành vi bán phá giá và trợ cấp của hàng hoá nước ngoài (CBP, 2021a)<sup>11</sup>. Theo giải thích của Cơ quan Hải quan và Bảo vệ Biên giới Hoa Kỳ Việc Hoa Kỳ áp cho phép phân bổ khoản thu từ thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp cho những nhà sản xuất trong nước là nhằm bù đắp giá trị của việc bán phá giá hoặc trợ cấp, do đó tạo một sân chơi công bằng (level playing field) cho các nhà sản xuất trong nước bị thiệt hại do hàng nhập khẩu được bán với giá không công bằng (CBP, 2021b)<sup>12</sup>.

CDSOA quy định rằng cơ quan Hải quan phải mở một tài khoản riêng tại Cục dự trữ liên bang Hoa Kỳ cho mỗi khoản thuế thu được<sup>13</sup>. Cơ quan Hải quan sẽ phân phối tất cả các khoản tiền thuế (bao gồm cả tiền lãi thu được từ khoản tiền gửi này) đã thu được trong năm tài chính trước đó cho các nhà sản xuất trong nước bị ảnh hưởng dựa trên xác nhận của nhà sản xuất trong nước bị ảnh hưởng

---

<sup>9</sup> US Federal Register - USFR (2020). *Distribution of Continued Dumping and Subsidy Offset to Affected Domestic Producers*, <https://www.federalregister.gov/documents/2020/05/28/2020-10606/distribution-of-continued-dumping-and-subsidy-offset-to-affected-domestic-producers>, accessed on June 23, 2021.

<sup>10</sup> Congressional Research Report - CRS (2006). *The Continued Dumping and Subsidy Offset Act - Order Code RL33045*, <https://www.everycrsreport.com/reports/RL33045.html>, accessed on June 26, 2021.

<sup>11</sup> U.S Customs and Border Protection - CBP (2021). *Continued Dumping and Subsidy Offset Act of 2000 - CDSOA*, <https://www.cbp.gov/trade/priority-issues/adcvd/continued-dumping-and-subsidy-offset-act-cdsoa-2000>, accessed on June 21, 2021.

<sup>12</sup> U.S Customs and Border Protection - CBP (2021). *Antidumping and Countervailing Duties (AD/CVD) Frequently Asked Questions*, <https://www.cbp.gov/trade/priority-issues/adcvd/antidumping-and-countervailing-duties-adcvd-frequently-asked-questions>, truy cập ngày 21/6/2021.

<sup>13</sup> United States Tariff Act of 1930, Section 754(e)(2).

rằng họ đủ điều kiện nhận đền bù và mong muốn nhận được đền bù<sup>14</sup>. Tiền gửi vào mỗi tài khoản đặc biệt trong mỗi năm tài chính sẽ được phân phối không muộn hơn 60 ngày sau khi bắt đầu năm tài chính tiếp theo.

CDSOA quy định rằng: (1) nếu tổng số lượng các khiếu nại do các nhà sản xuất trong nước bị ảnh hưởng không vượt quá số tiền chi trả có sẵn thì CBP sẽ thanh toán toàn bộ cho các nhà sản xuất trong nước đủ điều kiện nhận và (2) nếu các khoản chi trả vượt quá số tiền thu được, khoản tiền chi trả sẽ được thực hiện theo tỷ lệ dựa trên tổng số nhà sản xuất trong nước bị ảnh hưởng đủ điều kiện nhận<sup>15</sup>.

Thuật ngữ "*nhà sản xuất trong nước*" được giải thích cụ thể như sau<sup>16</sup>:

"Một nhà sản xuất, nhà sản xuất, nông dân, chủ trang trại hoặc đại diện công nhân (bao gồm cả hiệp hội của những người đó) mà thoả mãn đủ hai điều kiện sau:

(i) là người khởi kiện hoặc bên quan tâm ủng hộ đơn kiện liên quan đến lệnh áp thuế chống bán phá giá, và

(ii) vẫn đang hoạt động. Các công ty, doanh nghiệp hoặc những người đã ngừng sản xuất sản phẩm được đề cập trong đơn đặt hàng hoặc phát hiện hoặc những người đã được mua lại bởi một công ty hoặc doanh nghiệp có liên quan đến một công ty phản đối cuộc điều tra sẽ không phải là một nhà sản xuất trong nước bị ảnh hưởng.

### **3. Quan điểm của các bên về quy định Byrd Amendment**

#### **3.1. Quan điểm của các quốc gia nguyên đơn và WTO**

Quy định Byrd Amendment đã bị chỉ trích là trái với quy định của WTO và tạo ra hệ quả là khuyến khích các doanh nghiệp nội địa khởi kiện hàng nhập khẩu chống bán phá giá hoặc chống trợ cấp. Nhiều quốc gia phản đối và sau nhiều lần thương lượng không thành công với Hoa Kỳ, cuối cùng 11 quốc gia đã nộp

<sup>14</sup> United States Tariff Act of 1930, Section 754(d)(2) and (3).

<sup>15</sup> United States Tariff Act of 1930, Section 754(c).

<sup>16</sup> United States Tariff Act of 1930, Section 754(b)(1).



đơn yêu cầu WTO giải quyết vấn đề này, trong đó đáng chú ý nhất là các lập luận sau các quốc gia nguyên đơn sau:

*Thứ nhất, tất cả các quốc gia nguyên đơn đều cho rằng quy định Byrd Amendment là một hành động cụ thể chống lại hành vi phá giá và trợ cấp nên đã vi phạm Hiệp định AD và Hiệp định SCM. Mặc dù Điều VI:2 của Hiệp định GATT 1994 khẳng định mục tiêu của các biện pháp chống bán phá giá là nhằm "bù đắp hoặc ngăn chặn việc bán phá giá", nhưng ADA chỉ cho phép các quốc gia thành viên được áp dụng hai biện pháp sau để chống lại hành vi bán phá giá của hàng nhập khẩu: (1) áp đặt thuế chống bán phá giá; (2) cam kết về giá. Vì vậy, việc Hoa Kỳ áp dụng một biện pháp khác ngoài hai biện pháp nêu trên là trái với quy định của WTO (WTO Doc. WT/DS217 and 234/R, para. 4.4-4.17, and 4.26).*

*Thứ hai, tính hợp lý của Byrd Amendment khi xem xét ở góc độ của sự công bằng và tính cạnh tranh lành mạnh trong thương mại quốc tế. Nếu quy định Byrd Amendment được xem là phù hợp với quy định của WTO sẽ dẫn đến hệ lụy là các quốc gia khác cũng sẽ hành động tương tự như Hoa Kỳ để bảo hộ các nhà sản xuất trong nước trước sự cạnh tranh của hàng nhập khẩu. Chính điều này sẽ biến thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp thành một công cụ để bảo hộ hàng nội địa, hạn chế hàng hoá nhập khẩu và giúp các nhà sản xuất trong nước có được lợi ích (không chính đáng) từ số thuế đánh trên hàng hoá nhập khẩu (WTO Doc. WT/DS217 and 234/R, para. 4.18-4.21) (Platt, 2007)<sup>17</sup>.*

Ngoài ra, những nước khác lo ngại rằng, có thể việc chính phủ Hoa Kỳ chỉ trả tiền thuế thu được cho các nhà sản xuất đã ủng hộ cho việc điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp trong nước có thể vượt quá mức thiệt hại mà những nhà sản xuất trong nước đã gánh chịu hoặc việc thu thuế này có thể sẽ cao hơn mức thiệt hại thực tế từ việc bán phá giá của hàng nhập khẩu (Gayle and Puttitanun,

---

<sup>17</sup> Andrew Platt (2007). *The fate of domestic exporters under the Byrd Amendment as case study for resuscitating last-in-time treat interpretation*, Brigham Young University International Law and Management Review, Vol. 3, Issue 2, pp. 171-212.

2009)<sup>18</sup>. Brazil cũng quan ngại rằng, liệu các cơ quan chức năng của Hoa Kỳ có dựa vào những bằng chứng chính xác và thực hiện việc điều tra một cách khác quan để đưa ra biên độ chống bán phá giá chính xác, điều mà nhiều quốc gia đã chỉ trích trong thời gian qua (WTO Doc. WT/DS217 and 234/R, para. 4.27-4.28, và 4.31). Bên cạnh đó, trong tài liệu gửi đến WTO, Liên minh Châu Âu, Ấn Độ, Indonesia và Thái Lan đều cho rằng việc Hoa Kỳ phân bổ trực tiếp thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp như vậy là tạo ra sự bảo hộ quá mức cần thiết cho ngành sản xuất trong nước (WTO Doc. WT/DS217 and 234/R, para. 4.142-4.132).

*Thứ ba, về sự khách quan trong việc xác định mức thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp.* Việc điều tra và áp thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp là nhằm chống lại hành vi thương mại không công bằng, nhưng bởi vì chính phủ Hoa Kỳ cho phép chuyển số tiền này cho các nhà sản xuất trong nước, như vậy, có thể dẫn đến hệ quả là các nhà sản xuất trong nước khi nộp đơn yêu cầu điều tra hành vi bán phá giá của hàng nhập khẩu, có thể không vì mục đích duy nhất của quy định này là chống lại hành vi phá giá, mà có thể họ hướng đến việc được hưởng lợi từ việc được chia số tiền thuế thu được. Bên cạnh đó, cơ quan chức năng của Hoa Kỳ cũng sẽ khó có thể xác định được một nhà sản xuất trong nước nào đó nộp đơn để là nhằm chống lại hành vi phá giá hay vì mục đích có được một phần từ việc phân bổ thuế theo Byrd Amendment (WTO Doc. WT/DS217 and 234/R, para. 4.33, 4.66, 4.125). Quy định này sẽ càng không hợp lý trong trường hợp các nhà sản xuất trong nước chưa bị thiệt hại mà chỉ bị đe dọa gây thiệt hại từ hành vi phá giá của hàng nhập khẩu.

Bên cạnh đó, các quốc gia nguyên đơn còn lập luận rằng, Byrd Amendment sẽ ảnh hưởng đến quyết định của các cơ quan chức năng của Hoa Kỳ trong việc chấp thuận hoặc từ chối biện pháp "cam kết giá" của nhà xuất khẩu, vì việc áp thuế sẽ mang đến nhiều lợi ích về tài chính hơn cho các nhà sản xuất nội địa của

---

<sup>18</sup> Philip G. Gayle and Thitima Puttitanun (2009). *Has the Byrd Amendment affected the U.S imports?*, The World Economic, Vol. 32, Issue 4, pp. 629-642.

Hoa Kỳ. Ngoài ra, trong tài liệu của mình gửi đến Ban Hội thẩm, Canada còn lập luận về việc quốc gia nhập khẩu phải có trách nhiệm thực hiện cuộc điều tra và xác định biên độ phá giá một cách khách quan không thiên vị (be unbiased and objective) và chính xác (proper) dựa trên các nguyên tắc của sự thiện chí (basic principles of good faith) và các lý lẽ của sự công bằng (fundamental fairness) để qua đó chỉ trích về quá trình điều tra chống bán phá giá cũng như xác định biên độ bán phá giá của Hoa Kỳ (WTO Doc. WT/DS217 and 234/R, para. 4.65).

*Thứ tư, ý kiến của Ban Hội thẩm và Ban Phúc thẩm WTO đối với vụ kiện này.* Trong báo cáo của mình, cả Ban Hội thẩm và sau này là Ban Phúc thẩm đều cho rằng Byrd Amendment đã đưa ra các biện pháp được xác định là thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định AD và Hiệp định SCM, tức thuộc thẩm quyền giải quyết của WTO (WTO Doc. WT/DS217 and 234/R, para. 8.1) và Byrd Amendment đã vi phạm Hiệp định AD và Hiệp định SCM ở các điều luật sau: Điều 5.4, Điều 18.1 và Điều 18.4 của Hiệp định AD; Điều 11.4, Điều 32.1 và 32.5 của Hiệp định SCM; Điều VI:2 và Điều VI:3 của Hiệp định GATT 1994 và Điều XVI:4 của Hiệp định WTO (WTO Doc. WT/DS217 and 234/R, para. 8.1). Sau cùng, Ban Hội thẩm và Phúc thẩm của WTO đã chấp thuận yêu cầu của phía nguyên đơn là đề nghị Hoa Kỳ phải điều chỉnh lại Byrd Amendment cho phù hợp với quy định của WTO bằng cách là bãi bỏ quy định này (WTO Doc. WT/DS217 and 234/R, para. 8.6).

### **3.2. Quan điểm của phía Hoa Kỳ và những người ủng hộ Byrd Amendment**

Từ những lập luận của nguyên đơn, trong phần phản tố của mình gửi đến WTO, Hoa Kỳ đã chỉ ra những điểm bất hợp lý trong lập luận của nguyên đơn như sau:

*Một là,* Hoa Kỳ đã chỉ ra rằng WTO không có bất kỳ một từ, cụm từ hay một đoạn nào quy định rằng quốc gia thành viên sẽ không được phân bổ nguồn thu từ thuế chống bán phá giá hay thuế chống trợ cấp đến chủ thể khác ngoài ngân sách quốc gia. Bên cạnh đó, Hoa Kỳ cũng đồng thời trích dẫn phần khuyến nghị của Ban Phúc thẩm trong vụ kiện *India - Patents* rằng, vai trò của Ban Hội thẩm

hoặc Ban Phúc thẩm bị giới hạn bởi từ ngữ và ngữ cảnh được sử dụng trong Hiệp định có liên quan. Chính vì vậy, Hoa Kỳ nhấn mạnh rằng, theo quy định của Hiệp định WTO, thì các quốc gia thành viên sẽ có quyền tự chủ đối với việc xác định mức thuế, thu thuế, kiểm soát ngân sách quốc gia của mình cũng như việc phân bổ các nguồn tài nguyên cho nhiều mục đích khác nhau (WTO Doc. WT/DS217 and 234/R, para. 4.232).

*Hai là*, ngược lại với lập luận của các quốc gia nguyên đơn cho rằng Byrd Amendment đưa ra một "hành động cụ thể" để chống lại hành vi bán phá giá hoặc trợ cấp, Hoa Kỳ đã chứng minh rằng Byrd Amendment không phải là một hành động cụ thể vì nó chỉ ra giới hạn cụ thể chỉ có những doanh nghiệp, ngành công nghiệp hoặc nhóm nào mới được phân bổ thuế. Byrd Amendment đưa ra nguyên tắc chung là bất kỳ nhà sản xuất trong nước, thuộc bất kỳ ngành công nghiệp nào chỉ cần nộp đơn hoặc ủng hộ cho việc điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp thì đều có thể nhận được sự phân bổ từ nguồn thuế thu được nếu sau đó kết quả của cuộc điều tra xác định rằng hàng hoá đó thật sự đang bán phá giá hoặc đang được trợ cấp bất hợp pháp (WTO Doc. WT/DS217 and 234/R, para. 4.234), tức là quy định của Byrd Amendment không dành cho một nhóm cụ thể nhà sản xuất nào của Hoa Kỳ.

*Ba là*, Hoa Kỳ cho rằng Byrd Amendment thực sự chỉ là một chương trình chi trả thông thường, vì vậy, nó không phải là một "hành động cụ thể" để chống lại hành vi bán phá giá hay chống trợ cấp. Chính vì vậy, Byrd Amendment không thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định AD và Hiệp định SCM, cho nên các yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ và WTO cũng không có thẩm quyền phán xét về tính hợp pháp của Byrd Amendment so với các quy định có liên quan của WTO (WTO Doc. WT/DS217 and 234/R, para. 4.243-4.246), (Rus, 2007)<sup>19</sup>.

---

<sup>19</sup> Tudor N. Rus (2007). *The short, unhappy life of the Byrd Amendment*, <https://nyujlpp.org/wp-content/uploads/2012/11/RUS-THE-SHORT-UNHAPPY-LIFE-OF-THE-BYRD-AMENDMENT.pdf>, accessed on June 26, 2021.

*Bốn là*, các quốc gia nguyên đơn cho rằng Hoa Kỳ đã không khách quan trong quá trình điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp cũng như cách xác định mức thuế đối với hàng nhập khẩu. Tuy nhiên, Hoa Kỳ đã chỉ ra rằng, các quốc gia nguyên đơn đã không thể đưa ra được bằng chứng cụ thể để chứng minh cho lập luận này của họ (WTO Doc. WT/DS217 and 234/R, para. 4.27-4.28).

*Năm là*, Hoa Kỳ và một số nhà nghiên cứu đã chỉ ra điểm chưa hợp lý trong cả báo cáo của Ban Hội thẩm và Ban Phúc thẩm, đó là cả 02 cơ quan này đều cho rằng Byrd Amendment đã gây tác động tiêu cực đến mối quan hệ cạnh tranh giữa hàng hoá trong nước và hàng nhập khẩu (phá giá) và việc tính biên độ phá giá có thể sẽ vượt quá mức thiệt hại thực tế xảy ra do việc thêm phần quy định của Byrd Amendment vào (WTO Doc. WT/DS217 and 234/R, para. 3.3). Nói một cách khác, do Hoa Kỳ sẽ chuyển khoản thu từ thuế chống bán phá giá đến các nhà sản xuất trong nước đã có đơn yêu cầu điều tra chống bán phá giá, vì vậy sẽ dẫn đến tình trạng các nhà sản xuất trong nước lạm dụng thủ tục chống bán phá giá, và cơ quan điều tra DOC và ITC sẽ xác định biên độ chống bán phá giá cao hơn thiệt hại thực tế mà hàng nhập khẩu gây ra (để thu thuế nhiều hơn). Mặc dù lập luận như vậy, nhưng cả 02 cấp xét xử của WTO trong vụ việc này cũng như các nguyên đơn đều không có bằng chứng nào chứng minh việc Hoa Kỳ xác định biên độ chống bán phá giá và chống trợ cấp trong các vụ kiện trước đây là sai so với quy định của ADA (WTO Doc. WT/DS217 and 234/R, para. 3.9) (Hervey, 2003)<sup>20</sup>. Điều đó có nghĩa rằng, mức thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp mà Hoa Kỳ thu chỉ bằng hoặc có thể ít hơn mức độ thiệt hại do hàng nhập khẩu phá giá gây ra. Chính vì vậy, việc lập luận cho rằng quy định Byrd Amendment sẽ dẫn đến tình trạng Hoa Kỳ thu thuế cao hơn biên độ phá giá là

---

<sup>20</sup> Claire Hervey (2003). *The Byrd Amendment Battle: American Trade Politics at the WTO*, *Hasting International and Comparative Law Review*, Vol. 27, No.1, pp. 131-156.

không có căn cứ (Bhagwati and Mavroidis, 2004)<sup>21</sup>, (Horn and Mavroidis, 2005)<sup>22</sup>.

Sáu là, các quốc gia nguyên đơn cho rằng, Byrd Amendment sẽ làm tăng tỷ lệ từ chối của Hoa Kỳ đối với các đề nghị "cam kết giá - price undertaking" của các nhà xuất khẩu, vì nếu từ chối thì Hoa Kỳ sẽ chọn phương án là áp thuế và hệ quả là các nhà sản xuất trong nước sẽ được hưởng lợi về tài chính nhiều hơn. Tuy nhiên, Hoa Kỳ đã chỉ ra rằng, quốc gia nhập khẩu không có nghĩa vụ phải luôn luôn chấp nhận đề nghị cam kết giá của các nhà xuất khẩu. Ngoài ra, Byrd Amendment không có bất kỳ mối liên hệ hoặc sự ảnh hưởng nào về cách xác định tiêu chí, điều kiện để Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) hoặc Ủy ban Thương mại quốc tế Hoa Kỳ (ITC) đưa ra quyết định chấp nhận hay từ chối một đề nghị cam kết giá; các quốc gia nguyên đơn đều không đưa ra được bằng chứng cụ thể nào cho lập luận của mình. Thêm vào đó, Hoa Kỳ đã chỉ ra rằng thực tế là từ năm 1996 đến khi vụ kiện này xảy ra, Hoa Kỳ đã và đang chấp nhận rất nhiều cam kết về giá của các nhà xuất khẩu và không có bằng chứng nào để tin rằng các nhà sản xuất trong nước sẽ phản đối các đề nghị cam kết về giá; và Byrd Amendment khó có thể tác động đến sự độc lập trong quá trình điều tra và ra quyết định của DOC và ITC (WTO Doc. WT/DS217 and 234/R, para. 4.250-4.252).

### **3. Kết luận và kiến nghị**

Những người ủng hộ quy định phán quyết của WTO trong vụ kiện này cho rằng, khi hàng hóa được bán phá giá thì người tiêu dùng được hưởng lợi. Việc áp dụng thuế chống bán phá giá sẽ làm cho người tiêu dùng không còn được hưởng lợi. Khi thuế chống bán phá giá được coi là thuế nhập khẩu bổ sung thì những khoản thu này sẽ sử dụng để nâng cao phúc lợi xã hội đây được coi là cách gián

---

<sup>21</sup> Jagdish N. Bhagwati and Petros C. Mavroidis (2004). *The Byrd Amendment Is WTO-Illegal: But We Must Kill the Byrd with the Right Stone*, WORLD TRADE REVIEW, VOL. 3, P. 119-128. Available at: [https://scholarship.law.columbia.edu/faculty\\_scholarship/2626](https://scholarship.law.columbia.edu/faculty_scholarship/2626), accessed on June 23, 2021.

<sup>22</sup> Henrik Horn and Petros C. Mavroidis (2005). *United States - Continued Dumping and Subsidy Offset Act of 2000*, World Trade Review, Vol. 4, Issue 3, pp. 525 - 550.

tiếp bù đắp cho người tiêu dùng. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng bán phá giá là hành vi thương mại không công bằng. Lợi ích mà người tiêu dùng có được, thứ nhất, là từ hành vi thương mại không công bằng của những nhà nhập khẩu bán phá giá hàng hóa; thứ hai, trong trường hợp hàng hóa bán phá giá thì lợi ích mà người tiêu dùng có được là từ thiệt hại (nỗi bất hạnh) của các nhà sản xuất trong nước. Quy định của các quốc gia hiện nay về việc xem thuế chống bán phá giá là thuế nhập khẩu bổ sung không hợp lý ở chỗ: khi hàng hóa nhập khẩu được bán phá giá thì người bị thiệt hại là các nhà sản xuất trong nước lại không được bù đắp. Một trong những mục tiêu của việc áp dụng thuế chống bán phá giá là khôi phục lại khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp sản xuất trong nước, nếu không họ không được bù đắp thiệt hại thì việc khôi phục khả năng cạnh tranh của họ sẽ bị kéo dài, thậm chí dẫn đến phá sản, tỷ lệ thất nghiệp và tính bất ổn của xã hội sẽ gia tăng.

Do đó, thuế chống bán phá giá cần phải được phân bổ hợp lý hơn. Một phần hợp lý cần phải được chuyển cho doanh nghiệp sản xuất trong nước bị thiệt hại. Bởi vì, mục đích của việc các quốc gia tham gia ADA là để chống lại hành vi thương mại không công bằng - bán phá giá, và để bù đắp lại thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước do hành vi phá giá gây ra. Tuy nhiên, nếu xem thuế chống bán phá giá là thuế nhập khẩu bổ sung, thì số tiền này sẽ chuyển vào ngân sách nhà nước để sử dụng cho các mục chi tài chính khác theo Luật Ngân sách nhà nước, mà các nhà sản xuất, người lao động trong ngành sản xuất đã hoặc bị đe dọa gây ra thiệt hại từ hành vi phá giá của hàng nhập khẩu không được hưởng hỗ trợ từ nguồn thuế này là không hợp lý.

Vì vậy, chúng tôi cho rằng sẽ hợp lý hơn nếu các quốc gia tách nguồn thuế này riêng và thành lập một quỹ tín dụng để cho các doanh nghiệp, cũng như người lao động trong ngành hàng bị ảnh hưởng bởi hành vi phá giá hoặc hành vi trợ cấp có thể vay với lãi suất ưu đãi để phục hồi hoạt động sản xuất trong thời gian không quá 5 năm, sau thời gian này, nguồn quỹ trên sẽ được nhập vào ngân sách nhà

nước ở trung ương để phục vụ cho các mục tiêu phát triển khác của quốc gia như những nguồn thu khác.

## References

- Agreement on Implementation of Article VI of the GATT 1994 (Anti-dumping Agreement)
- Agreement on Subsidies and Countervailing Measures
- General Agreements on Tariff and Trade 1994
- United States Tariff Act of 1930
- Panel Report, *United States — Continued Dumping and Subsidy Offset Act of 2000*, WT/DS217/R, WT/DS234/R (Sept. 16, 2002).
- Appellate Body Report, *United States — Continued Dumping and Subsidy Offset Act of 2000*, WT/DS217/AB/R, (WT/DS234/AB/R (Jan. 6, 2003
- Andrew Platt (2007). *The fate of domestic exporters under the Byrd Amendment as case study for resuscitating last-in-time treat interpretation*, Brigham Young University International Law and Management Review, Vol. 3, Issue 2, pp. 171-212.
- AdvocateKhoj (2021). *Anti-dumping and the customs duty*, <https://www.advocatekhoj.com/library/lawareas/antidumping/anti.php?Title=Laws%20of%20anti%20-%20dumping%20in%20India&STitle=Anti-dumping%20and%20the%20customs%20duty>, accessed June 26, 2021.
- Claire Hervey (2003). *The Byrd Amendment Battle: American Trade Politics at the WTO*, Hasting International and Comparative Law Review, Vol. 27, No.1, pp. 131-156.
- Congressional Research Report - CRS (2006). *The Continued Dumping and Subsidy Offset Act - Order Code RL33045*, <https://www.everycrsreport.com/reports/RL33045.html>, accessed on June 26, 2021.
- Emin M. Dinlersoz and Can Dogan (2008). *Tariffs versus Anti-dumping Duties*, [https://uh.edu/~cdogan/index\\_files/IO\\_Paper\\_Dogan.pdf](https://uh.edu/~cdogan/index_files/IO_Paper_Dogan.pdf), accessed on June 26, 2021.
- Jagdish N. Bhagwati and Petros C. Mavroidis (2004). *The Byrd Amendment Is WTO-Illegal: But We Must Kill the Byrd with the Right Stone*, WORLD TRADE REVIEW, VOL. 3, P. 119-128. Available at: [https://scholarship.law.columbia.edu/faculty\\_scholarship/2626](https://scholarship.law.columbia.edu/faculty_scholarship/2626), accessed on June 23, 2021.
- Henrik Horn and Petros C. Mavroidis (2005). *United States - Continued Dumping and Subsidy Offset Act of 2000*, World Trade Review, Vol. 4, Issue 3, pp. 525-550.



Legistify (2018). *Difference Between Anti Dumping Duty And Normal Customs Duty*, <https://www.legistify.com/qna/answer/1092-difference-between-anti-dumping-duty-and-normal-customs-duty/>, accessed June 26, 2021.

Ministry of Commerce and Industry of India (2021). *Anti-Dumping - Meaning and Concept*, <https://www.dgtr.gov.in/faq>, truy cập ngày 07/6/2021.

Philip G. Gayle and Thitima Puttitanun (2009). *Has the Byrd Amendment affected the U.S imports?*, The World Economic, Vol. 32, Issue 4, pp. 629-642.

Tudor N. Rus (2007). *The short, unhappy life of the Byrd Amendment*, <https://nyujlpp.org/wp-content/uploads/2012/11/RUS-THE-SHORT-UNHAPPY-LIFE-OF-THE-BYRD-AMENDMENT.pdf>, accessed on June 26, 2021.

U.S Customs and Border Protection - CBP (2021). *Continued Dumping and Subsidy Offset Act of 2000 - CDSOA*, <https://www.cbp.gov/trade/priority-issues/adcvd/continued-dumping-and-subsidy-offset-act-cdsoa-2000>, accessed on June 21, 2021.

U.S Customs and Border Protection - CBP (2021). *Antidumping and Countervailing Duties (AD/CVD) Frequently Asked Questions*, <https://www.cbp.gov/trade/priority-issues/adcvd/antidumping-and-countervailing-duties-adcvd-frequently-asked-questions>, truy cập ngày 21/6/2021.

US Federal Register - USFR (2020). *Distribution of Continued Dumping and Subsidy Offset to Affected Domestic Producers*, <https://www.federalregister.gov/documents/2020/05/28/2020-10606/distribution-of-continued-dumping-and-subsidy-offset-to-affected-domestic-producers>, accessed on June 23, 2021.

WTO (2021a). *Technical Information on anti-dumping*, [https://www.wto.org/english/tratop\\_e/adp\\_e/adp\\_info\\_e.htm](https://www.wto.org/english/tratop_e/adp_e/adp_info_e.htm), accessed on June 26, 2021.

WTO (2021b). *Subsidies and countervailing measures: Overview*, [https://www.wto.org/english/tratop\\_e/scm\\_e/subs\\_e.htm](https://www.wto.org/english/tratop_e/scm_e/subs_e.htm), accessed on June 26, 2021.